**NỘI DUNG ÔN TẬP CUỐI KỲ I - NĂM HỌC 2022-2023**

**MÔN: HÓA LỚP 12**

*(Kèm theo Công văn số 2520/SGDĐT-GDTrH ngày 21/11/2022 của Sở GDĐT Quảng Nam)*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Mức độ** | **MÔ TẢ** |
| 1 | Este (*- Không dạy cách điều chế este từ axetilen và axit ở mục IV. Điều chế. Tự học có hướng dẫn: Mục V. Ứng dụng*) | *Nhận biết* | Nêu được:  - Khái niệm, đặc điểm cấu tạo phân tử, danh pháp (gốc - chức) của este.  - Este không tan trong nước và có nhiệt độ sôi thấp hơn các axit và ancol cùng số nguyên tử cacbon hoặc cùng phân tử khối.  - Tính chất hoá học của este: Phản ứng thuỷ phân (xúc tác axit) và phản ứng với dung dịch kiềm (phản ứng xà phòng hoá).  - Phương pháp điều chế bằng phản ứng este hoá; |
| *Thông hiểu* | - Viết được công thức cấu tạo, đọc tên các este có tối đa 4 nguyên tử cacbon.  - Viết các phương trình hoá học minh hoạ tính chất hoá học của este no, đơn chức.  - Giải các bài tập đơn giản liên quan đến este. |
| *Vận dụng* | - Giải các bài tập liên quan đến este. |
| *Vận dụng cao* | - Liên hệ thực tế. Giải các bài tập liên quan đến este. |
| 2 | Lipit (*- Tự học có hướng dẫn: Mục II.4. Ứng dụng.*  *- Không yêu cầu học sinh làm: Bài tập 4, 5*) | *Nhận biết* | - Biết được khái niệm chất béo, tính chất vật lí, tính chất hoá học (tính chất chung của este và phản ứng hiđro hoá chất béo lỏng).  - Biết được cách chuyển hoá chất béo lỏng thành chất béo rắn. |
| *Thông hiểu* | - Viết được các phương trình hoá học minh hoạ tính chất hoá học của chất béo. |
| *Vận dụng* | - Giải các bài tập liên quan đến chất béo. |
| *Vận dụng cao* | - Liên hệ thực tế. Giải các bài tập liên quan đến chất béo. |
| 3 | Glucozơ, fructozơ, saccarozơ, Tinh bột, Xenlulozơ (*Phần TCVL, trạng thái TN, ứng dụng của glucozơ, saccarozơ, tinh bột và xenlulozơ:* ***Tự học có HD****. Bài 5: Mục III. 2.b. OXH glucozơ bằng Cu(OH)2, Mục V. Fructozơ: Ko yêu cầu HS học pư OXH glucozơ, fructozơ bằng Cu(OH)2 trong môi trường kiềm, BT2: Ko yêu cầu HS làm. Bài 6: Mục I.4.a. Sơ đồ sx đường từ cây mía: HS tự đọc. Bài 7: BT1: Ko yêu cầu HS làm*) | *Nhận biết* | - Xác định được công thức phân tử của glucozơ, fructozơ, saccarozơ, công thức hóa học của tinh bột, xenlulozơ.  - Nêu được tính chất vật lí, trạng thái TN, ứng dụng của glucozơ, saccarozơ, tinh bột và xenlulozơ.  - Viết được công thức cấu tạo dạng mạch hở của glucozơ, fructozơ.  - Xác định được cấu tạo cơ bản của saccarozơ.  - Biết các tính chất hóa học của glucozơ, fructozơ, saccarozơ, tinh bột, xenlulozơ. |
| *Thông hiểu* | - Trình bày được tính chất hóa học và viết được các PTHH chứng minh tính chất hoá học của glucozơ, fructozơ, saccarozơ, tinh bột và xenlulozơ.  - Liên hệ được tính chất vật lí, trạng thái tự nhiên, mối liên hệ giữa chúng với thực tế.  - Dự đoán được tính chất hóa học dựa vào cấu tạo phân tử.  - Giải bài tập đơn giản liên quan đến tính chất hóa học của glucozơ, xenlulozơ. |
| *Vận dụng* | - Phân biệt các dung dịch: saccarozơ, glucozơ, glixerol bằng phương pháp hoá học.  - Tính khối lượng glucozơ thu được hoặc tham gia phản ứng theo hiệu suất.  **-** Giải bài toán liên quan đến phản ứng thủy phân tinh bột, xenlulozơ, saccarozơ; phản ứng tráng bạc; phản ứng lên men glucozơ. |
|  |  | *Vận dụng cao* | **-** Giải bài toán liên quan đến vấn đề thực tế của cacbohiđrat. |
| 4 | Amin (Mục III.2.a. Thí nghiệm 1: Không yêu cầu giải thích tính bazơ. Bài tập 4: Không yêu cầu học sinh làm) | *Nhận biết* | Nêu được:  - Khái niệm, phân loại, cách gọi tên (theo danh pháp thay thế, gốc - chức).  - Đặc điểm cấu tạo phân tử , tính chất vật lí (trạng thái, màu, mùi, độ tan) của amin. |
| *Thông hiểu* | - Viết được công thức cấu tạo của các amin đơn chức, xác định được bậc của amin theo công thức cấu tạo.  - Trình bày được tính chất hóa học điển hình của amin là tính bazơ, anilin có phản ứng thế với brom trong nước và viết được các PTHH minh họa tính chất. Phân biệt anilin và phenol bằng phương pháp hoá học.  - So sánh được lực bazơ của các amin. |
| *Vận dụng* | - Giải bài tập liên quan đến amin |
| 5 | Amino axit | *Nhận biết* | - Nêu được định nghĩa, đặc điểm cấu tạo phân tử, ứng dụng quan trọng của amino axit |
|  | *Thông hiểu* | - Trình bày được tính chất hóa học của amino axit (tính lưỡng tính; phản ứng este hoá; phản ứng trùng ngưng của ε-, ω-aminoaxit)  - Viết được các PTHH chứng minh tính chất của amino axit.  - Giải bài tập đơn giản liên quan đến tính chất hóa học của amino axit. |
|  | *Vận dụng* | - Phân biệt dung dịch amino axit với dung dịch chất hữu cơ khác bằng pp hoá học. |
| 6 | Peptit, Protein (*Không dạy Mục III. Khái niệm về enzim và axit nucleic*) | *Nhận biết* | Nêu được:  - Định nghĩa, đặc điểm cấu tạo phân tử, tính chất hoá học của peptit.  - Khái niệm, đặc điểm cấu tạo, tính chất của protein (sự đông tụ; phản ứng thuỷ phân, phản ứng màu Biure). Vai trò của protein đối với sự sống. |
| *Thông hiểu* | - Xác định cấu tạo của peptit dựa vào sản phẩm phản ứng thủy phân hoặc xác định sản phẩm thủy phân của peptit cho trước. |
| *Vận dụng* | - Phân biệt được dung dịch protein với chất lỏng khác. |
| *Vận dụng cao* | **-** Giải bài toán liên quan đến amin, amino axit, peptit, protein. |
| 7 | Đại cương về polime. Vật liệu polime (*- Mục I. Khái niệm, Mục III. Tính chất vật lí, Mục VI. Ứng dụng: Tự học có hướng dẫn*  *- Mục IV. Tính chất hóa học: Học sinh tự đọc.*  - Phần nhựa Rezol, Rezit, Mục IV. Keo dán tổng hợp: Học sinh tự đọc) | *Nhận biết* | Nêu được:  - Các phương pháp điều chế polime.  - Khái niệm, thành phần chính, sản xuất, ứng dụng của chất dẻo, vật liệu compozit, tơ, cao su.  - Vai trò polime trong đời sống, sx; vấn đề ô nhiễm môi trường từ rác thải polime. |
| *Thông hiểu* | - Viết được công thức cấu tạo của polime từ monome và ngược lại.  - Viết được các PTHH tổng hợp một số polime thông dụng.  - Viết các PTHH cụ thể điều chế một số chất dẻo, tơ, cao su.  - Sử dụng và bảo quản được một số vật liệu polime trong đời sống. |
| *Vận dụng* | - HS đề xuất môt số giải pháp để giảm thiểu ô nhiễm môi trường từ rác thải polime. |

**----- HẾT -----**